

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/ DS-ST

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, Ông Nguyễn Văn Môn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-DS ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P H2, xã HL, huyện LN, tỉnh Hà Nam

2. Bị đơn: Công ty cổ phần LM

Địa chỉ: NAS, khu dân cư sỹ quan Qđoàn 2, đường HVT, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ch - chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/12/2020 , bản tự khai và tại biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 29/10/2014 giữa ông và Công ty cổ phần LM có địa chỉ: NAS, khu dân cư sỹ quan Qđoàn 2, đường HVT, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 066302/HĐ-LMTD, ông là cộng tác viên của công ty theo hợp đồng này. Ngay trong ngày, ông đã mua của công ty 07 gói hàng cao hồng sâm, trị giá mỗi gói là 8.450.000 đồng, ông đã nộp số tiền 59.150.000 đồng. Công ty đã giao cho ông 01 gói hàng trị giá 8.450.000 đồng, còn lại 06 gói hàng trị giá 50.700.000 đồng, công ty

chưa giao vì lý do chưa nhập hàng về được, công ty hẹn khi nào có hàng thì sẽ trả hết. Sau nhiều lần hẹn trả hàng nhưng không có, ngày 31/3/2016 theo yêu cầu của công ty, ông có viết đơn tự nguyện gửi hàng hóa, tại đơn có ghi ông gửi lại 7 gói, nhưng thực chất ông đã lấy 01 gói, chỉ còn gửi lại 6 gói, nên phiếu thu ghi đúng số tiền 50.700.000- đồng của 6 gói hàng còn lại. Từ đó đến nay, ông đã nhiều lần đi đòi nhưng Công ty cổ phần LM không trả cho ông số hàng trên. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang buộc Công ty cổ phần LM có địa chỉ trụ sở tại NAS, khu dân cư sỹ quan Qđoàn 2, đường HVT, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang phải trả lại cho ông số tiền của 6 gói hàng đã nộp cho công ty là 50.700.000 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông không yêu cầu trả tiền lãi, đề nghị Tòa án cho vắng mặt khi xét xử.

Bị đơn Công ty cổ phần LM có địa chỉ đăng ký theo giấy phép đăng ký kinh doanh tại NAS, khu dân cư sỹ quan Qđoàn 2, đường HVT, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Ch - chức vụ: Tổng giám đốc. Tòa án đã thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập đến làm việc, song qua kết quả xác minh tại địa phương nơi công ty có trụ sở đang ký thì công ty vẫn đăng ký địa chỉ trụ sở làm việc tại địa chỉ trên, nhưng đến nay không có người làm việc. Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Giang tại công văn số 13/CV-ĐKKD ngày 28/01/2021 xác định “Cho đến thời điểm hiện nay tình trạng công ty trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc Gia là “đang hoạt động”. Công ty chưa có hồ sơ giải thể hay phá sản nộp ở cơ quan đăng ký kinh doanh. Hiện nay công ty cũng đang bị ngăn chặn không cho thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh theo yêu cầu của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang tại công văn số 1406/CV-THADS ngày 09/12/2019”. Vì lý do trên, Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có trụ sở của bị đơn theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có lời khai, văn bản nêu ý kiến quan điểm hay giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì gửi Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập các tài liệu chứng cứ tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Giang và được cung cấp các tài liệu, chứng cứ là bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu và các lần thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 12, công văn thông báo tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa, HĐXX xét

xử vụ án theo quy định tại điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Tòa án căn cứ điều 274, Điều 275, Điều 280, 504, 510, 512 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần LM trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền của 6 gói hàng trị giá 50.700.000 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Về tiền lãi không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của của ông Nguyễn Văn T cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến làm việc. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất, thứ hai, Tòa án căn cứ quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Công ty cổ phần LM và ông Nguyễn Văn T đã ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 066302/HĐ-LM ngày 29/10/2014. Trên cơ sở của hợp đồng, ông T đã mua 07 gói hàng, đã nộp tiền đầy đủ nhưng chỉ được giao 01 gói hàng, còn lại 06 gói sản phẩm hàng hóa đã nộp tiền nhưng đến nay công ty vẫn chưa giao đủ số hàng 06 gói sản phẩm hàng hóa ông T đã mua. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần LM trả lại số tiền đã mua hàng, đây là quan hệ pháp luật giữa một cá nhân không có đăng ký kinh doanh với doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp, do đó HĐXX xác định đây là tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng theo quy định của Bộ luật dân sự. Bị đơn có trụ sở tại thành phố Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo qui định tại khoản 3 điều 26; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, yêu cầu Công ty cổ phần LM trả số tiền 50.700.000 đồng tương đương giá trị của 6 gói hàng cao hồng sâm đã mua.

Lời khai của nguyên đơn xác định ngày 29/10/2014 ông đã mua của công ty tổng cộng 07 gói sản phẩm cao hồng sâm x 8.450.000 đồng/01 gói = 59.150.000 đồng (năm mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi đã nộp tiền mua hàng, ông đã được Công ty cổ phần LM trả cho 01 gói hồng sâm trị giá

8.450.000 đồng, còn lại 6 gói công ty không có hàng trả, đến nay chưa trả. Lời khai của nguyên đơn được chứng minh bởi chứng cứ là phiếu thu tiền ngày 29/10/2014, đơn tự nguyện gửi hàng hóa. Trong đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa ngày 31/3/2016 có ghi số hàng hóa ông T gửi là 7 gói, tuy nhiên căn cứ lời khai của ông T cùng chứng cứ là giấy thu tiền ngày 29/10/2014 cho thấy số tiền ông T nộp cho công ty là 50.700.000 đồng cho 6 gói hàng hóa, số hàng gửi là 6 gói chứ không phải 7 gói hàng hóa. Phía bị đơn là Công ty cổ phần LM không có văn bản hay tài liệu, chứng cứ nào khác phản bác ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có thể xác định cho đến nay bị đơn vẫn chưa trả cho ông Nguyễn Văn T 06 gói sản phẩm hàng hóa trị giá 50.700.000 đồng mà ông T đã mua.

Tại quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty cổ phần LM thì Công ty cổ phần LM đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Công ty cổ phần LM phải trả cho ông số tiền 50.700.000 đồng tương đương trị giá 6 gói sản phẩm đã mua hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 điều 9 thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 quy định chi tiết một số điều của nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 điều 504, điều 510, điều 512 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc Công ty cổ phần LM phải trả ông Nguyễn Văn T số tiền 50.700.000 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Công ty cổ phần LM phải chịu 2.535.000 (Hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng